CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp

Ngày 31/12/2025	9,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.0%	**1.0%**	**36.6%**

DT thuần
Q4/25
78.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.90| 14.4%
YoY: ▲ 32.4| 70.2%

LN thuần
Q4/25
2.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.41| -71.2%
YoY: ▲ 8.41| 155%

LN sau thuế
Q4/25
2.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.47| -69.7%
YoY: ▲ 7.35| 162%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
7.8%
YoY: +/-▲ 4.4%

ROE
2025
1.6%
YoY: +/-▲ 4.2%

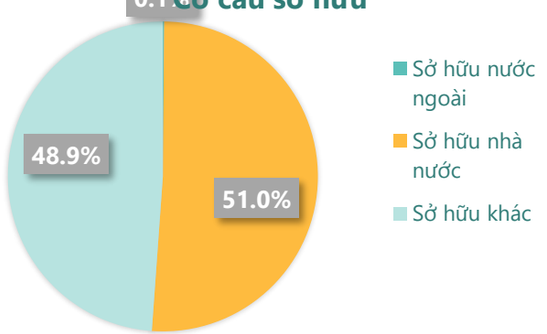
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 10,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	374
Số lượng CPLH (CP)	38,595,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)	37,705
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.30
EPS	224
P/E	43.2

DT thuần
2025
227
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.0| 20.7%

LN thuần
2025
2.87
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.8| 116%

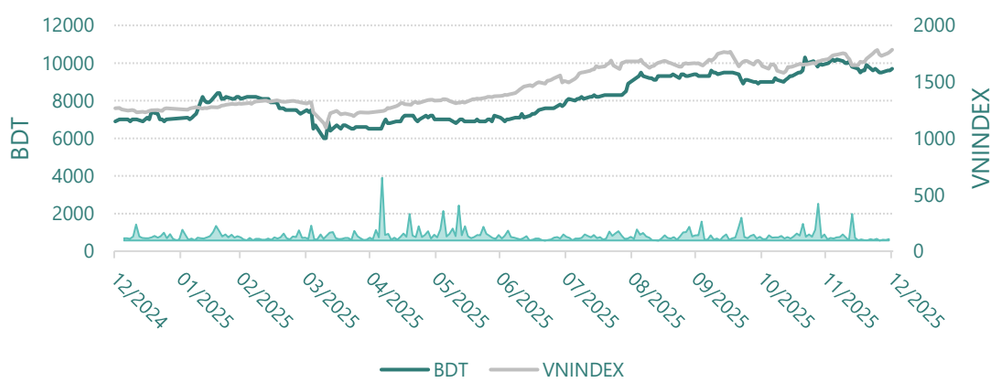
LN sau thuế
2025
9.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.6| 168%

Cơ cấu sở hữu

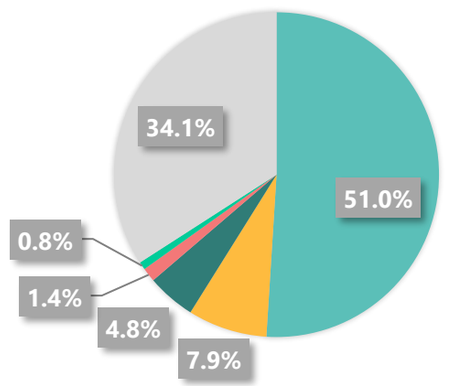


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



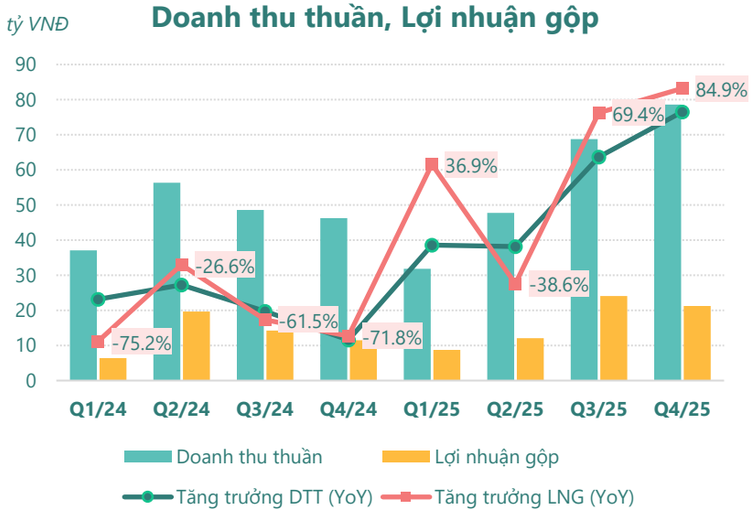
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

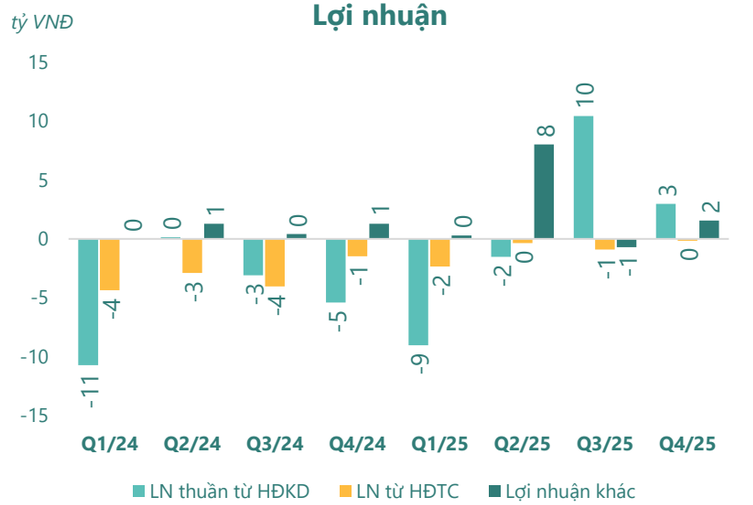
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



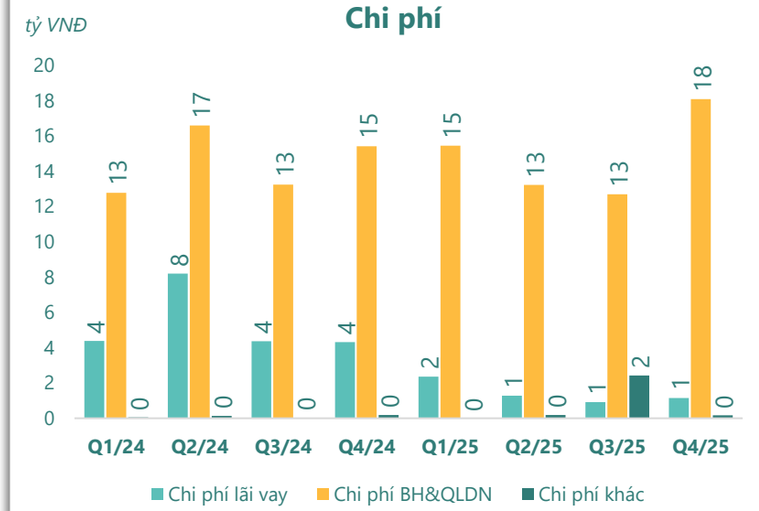
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



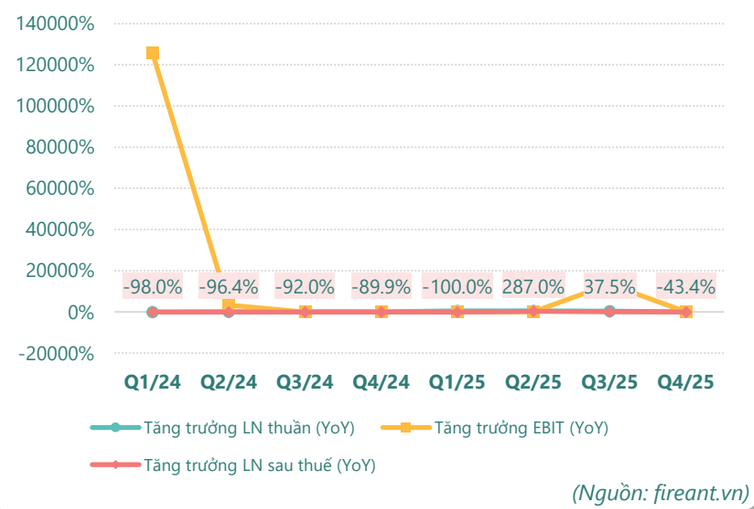
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



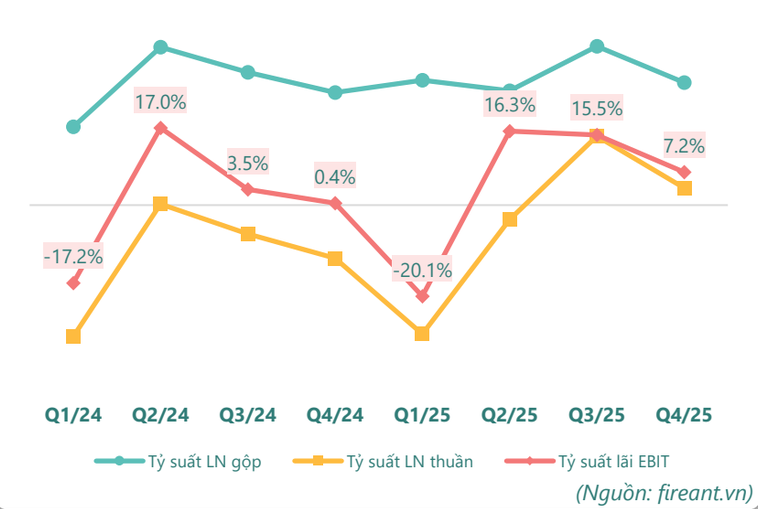
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



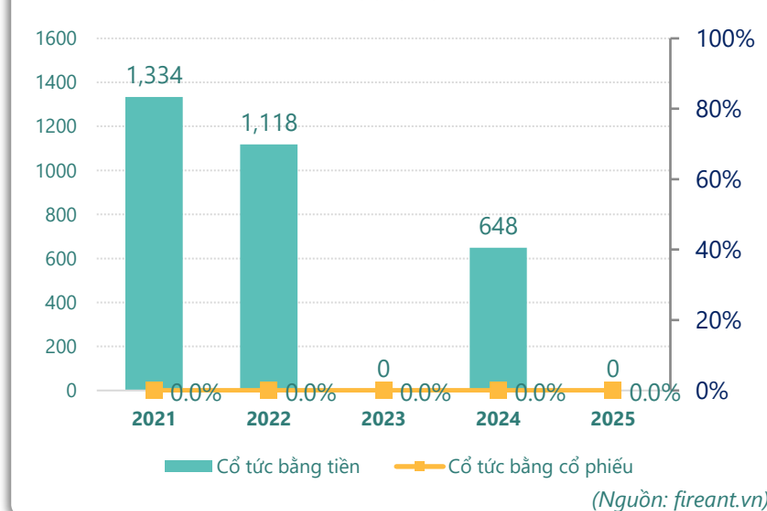
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

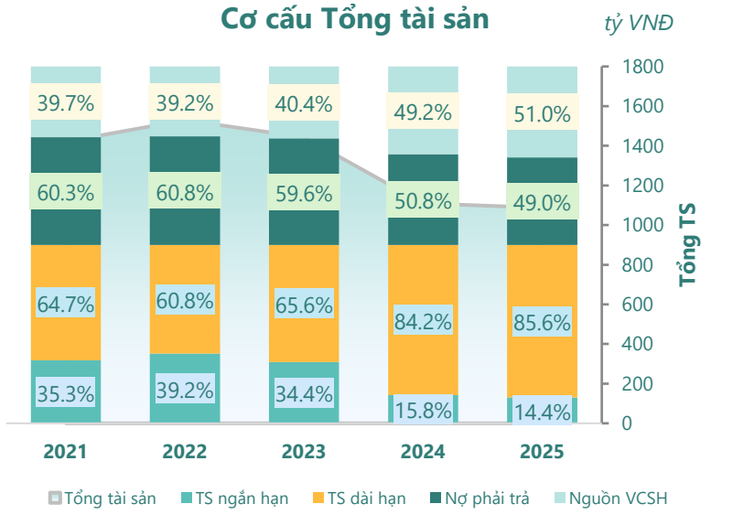
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

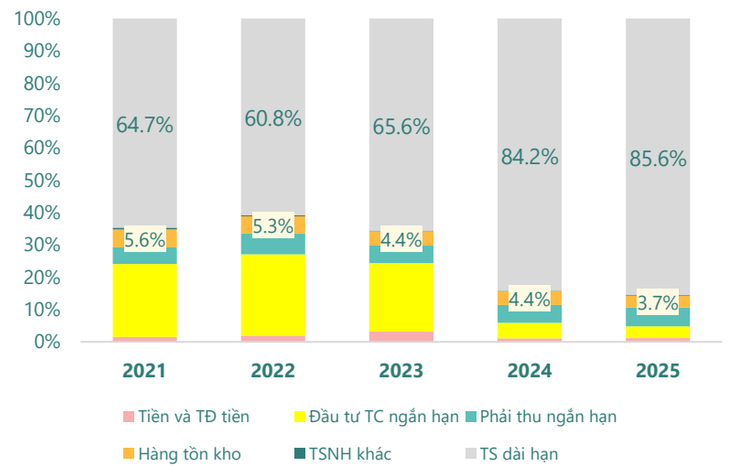
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



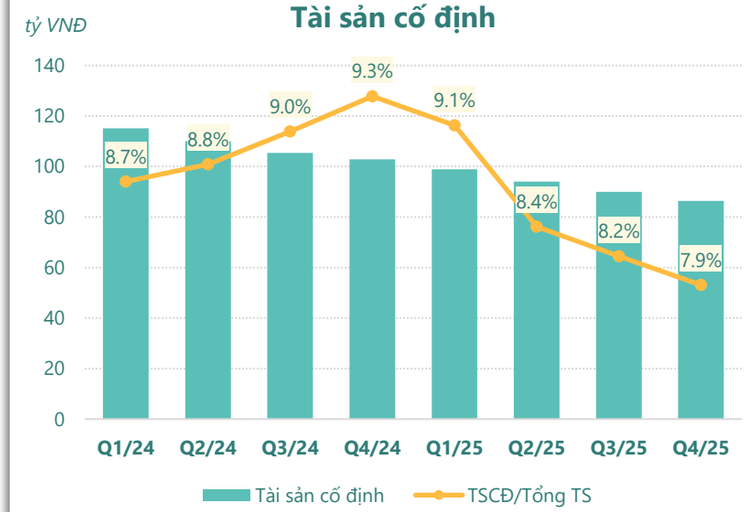
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



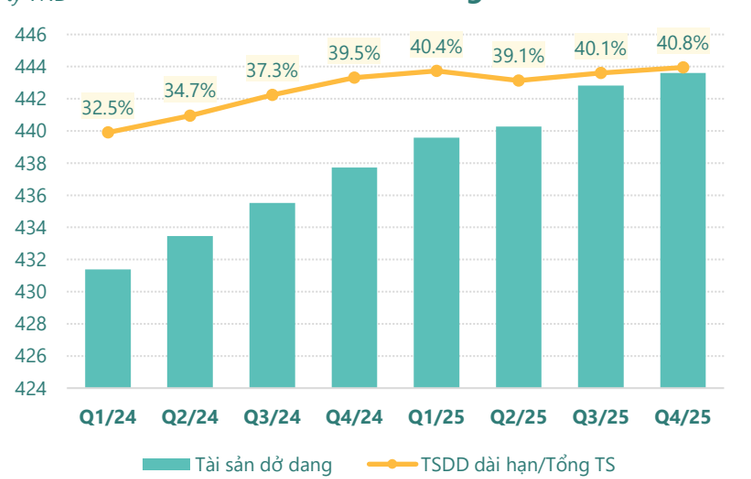
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



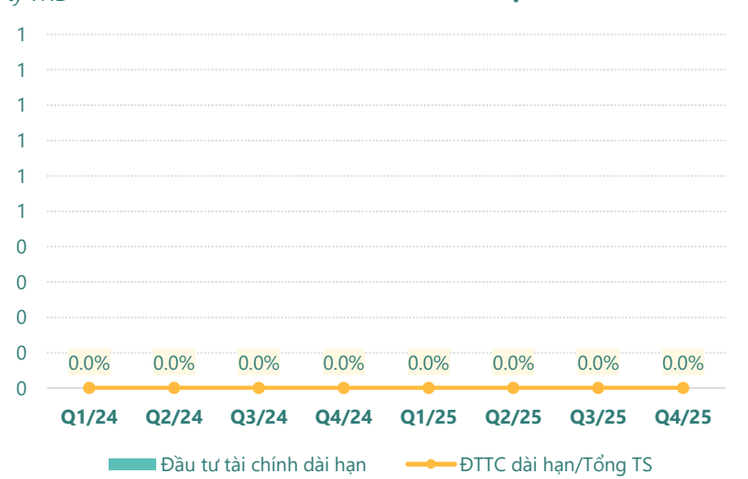
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



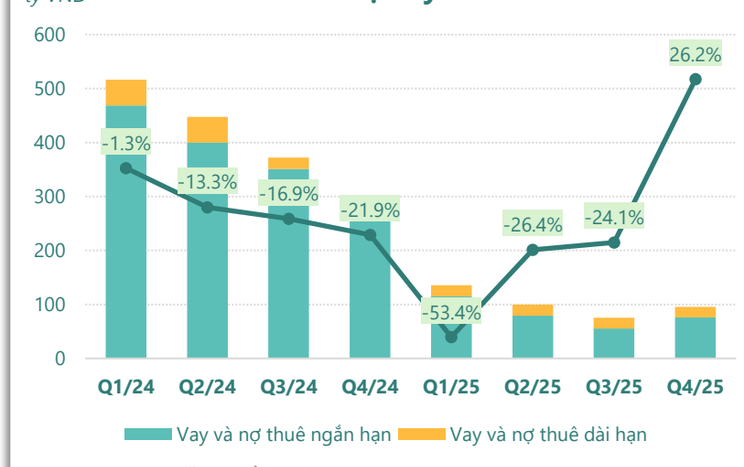
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

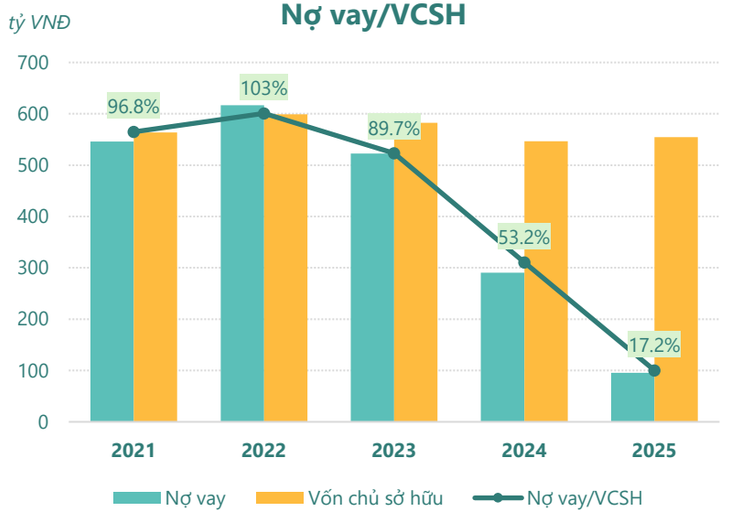
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



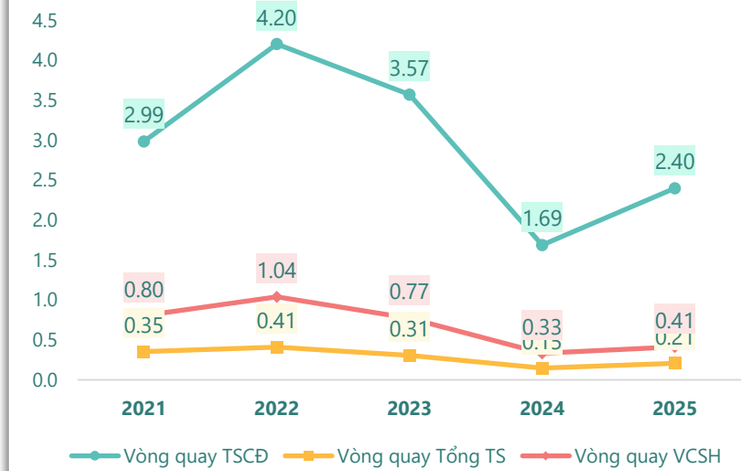
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



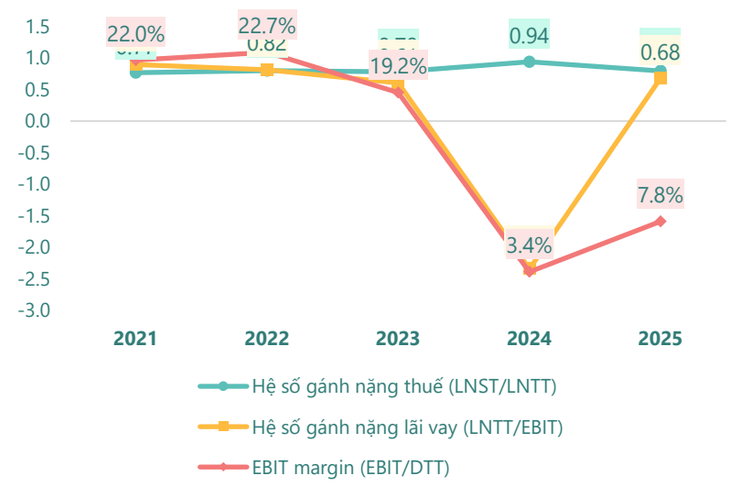
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



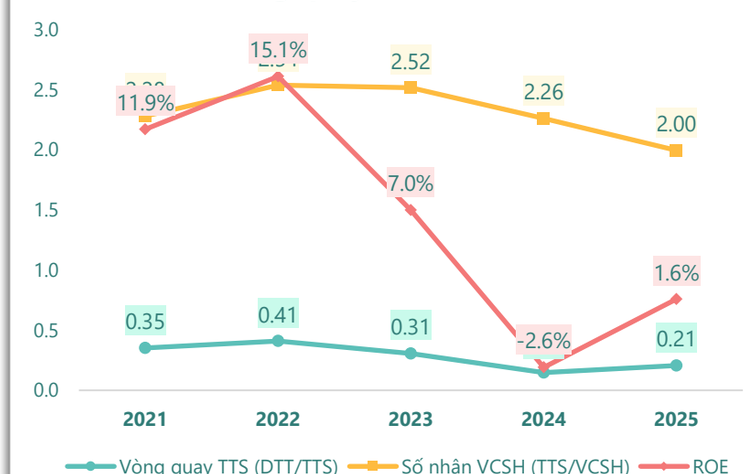
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



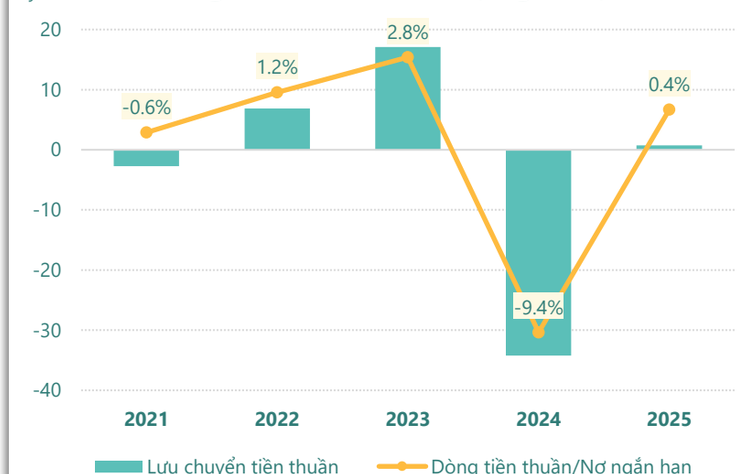
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**78.6**	**46.2**	**70.2%**	**227**	**188**	**20.7%**
Giá vốn hàng bán	57.4	34.7	65.4%	161	134	19.6%
Lợi nhuận gộp	21.2	11.5	84.6%	66.1	53.6	23.4%
Doanh thu HĐTC	1.01	2.86	-64.7%	1.97	8.52	-76.9%
Chi phí TC	1.16	4.34	-73.4%	5.71	21.4	-73.3%
Chi phí lãi vay	1.16	4.32	-73.2%	5.71	21.3	-73.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.62	6.75	-1.9%	25.0	23.5	6.5%
Chi phí QLDN	**11.5**	**8.68**	**32.2%**	**34.5**	**35.1**	**-1.7%**
LN thuần từ HĐKD	2.99	-5.42	155%	2.87	-17.9	116%
Lợi nhuận khác	**1.55**	**1.30**	**19.1%**	**9.17**	**2.98**	**208%**
LN trước thuế	4.54	-4.12	210%	12.0	-14.9	181%
Lợi nhuận sau thuế	**2.81**	**-4.54**	**162%**	**9.57**	**-14.0**	**168%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.60**	**-4.70**	**155%**	**8.66**	**-14.7**	**159%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.43	32.1	174	9.47	15.7	-28.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	69.5	54.8	12.7	7.93	11.9	-5.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-75.5	-81.3	-186	-5.88	-24.7	19.8
Tiền đầu kỳ	12.0	6.40	12.0	12.8	24.3	27.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.62**	**5.59**	**0.84**	**11.5**	**2.87**	**-14.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.40	12.0	12.8	24.3	27.2	12.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,087**	**1,110**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	157	175	-10.5%
Tiền và tương đương tiền	12.7	12.0	6.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.1	53.7	-27.2%
Phải thu ngắn hạn	63.0	60.5	4.2%
Hàng tồn kho	40.4	48.3	-16.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.79	0.99	81.4%
Tài sản dài hạn	**930**	**934**	**-0.4%**
Phải thu dài hạn	0.25	10.1	-97.5%
Tài sản cố định	86.4	103	-16.0%
Bất động sản đầu tư	74.0	77.5	-4.5%
Tài sản dở dang	444	438	1.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**326**	**306**	**6.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	532	563	-5.5%
Nợ ngắn hạn	**168**	**363**	**-53.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	75.9	271	-71.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.2	18.1	-43.5%
Nợ dài hạn	364	200	81.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.5	20.1	-3.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**555**	**546**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**555**	**546**	**1.5%**
Vốn điều lệ	386	386	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)